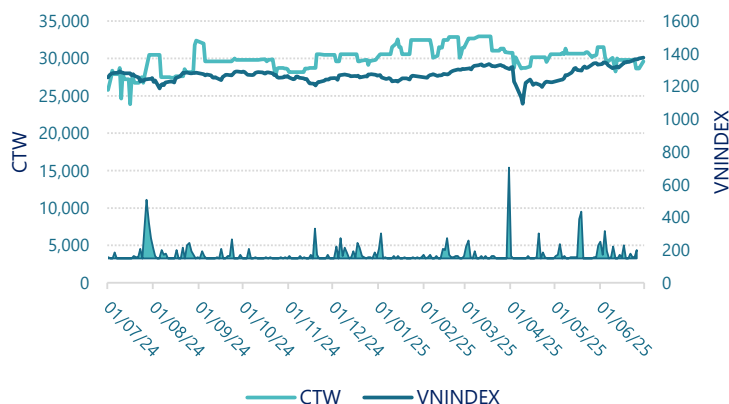


CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ (UPCOM: CTW)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	31,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	32,947
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,875
SL cổ phiếu LH	27,998,600
KLGD BQ 20 phiên (CP)	610
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	868
P/E	11.3
EPS	2,746

DT thuần

Q2/25

120

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.0 | 13.6%

YoY: ▲ 5.00 | 4.7%

LN sau thuế

Q2/25

24.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 2.90 | -10.7%

YoY: ▼ 10.0 | -29.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

28.1%

+/- YoY: ▼ 11.6%

DT thuần

6T 2025

226

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 26.0 | -10.3%

LN sau thuế

6T 2025

51.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 12.4 | -19.3%

ROE

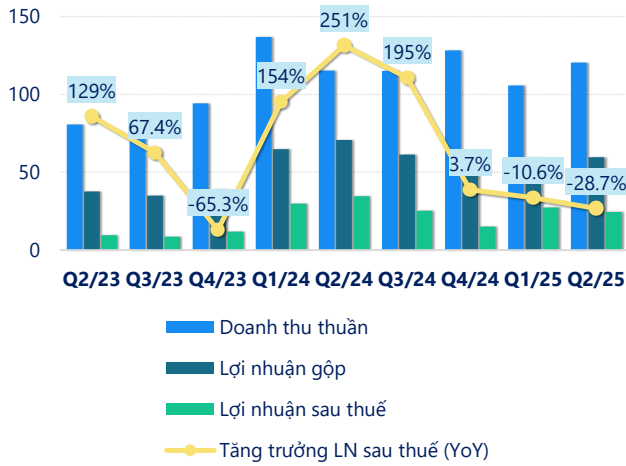
Q2/25

13.5%

+/- YoY: ▼ 0.8%

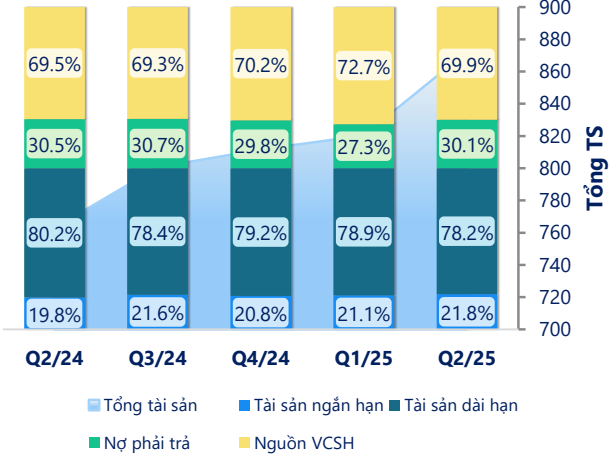
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

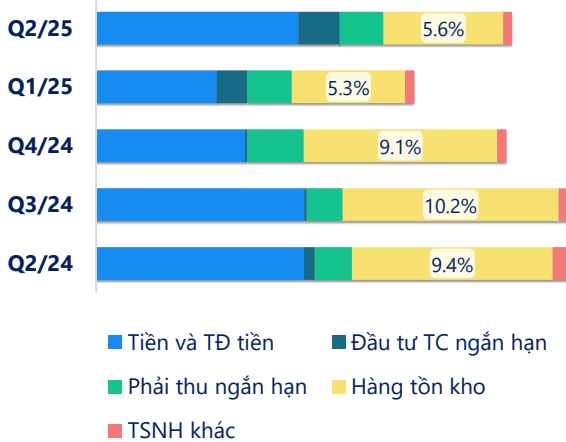


Cơ cấu Tổng tài sản

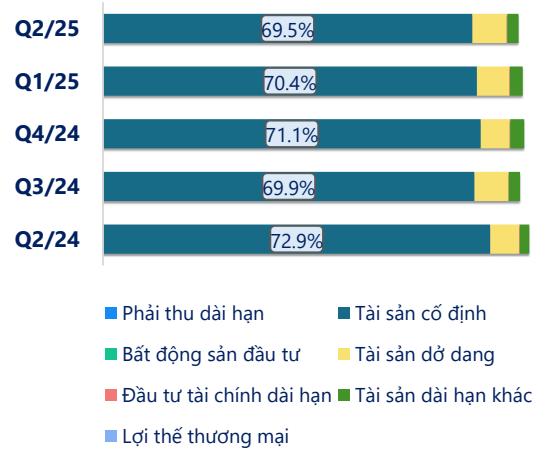
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

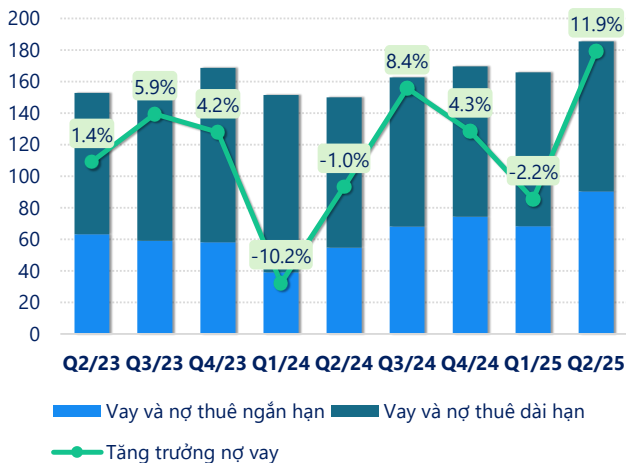


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



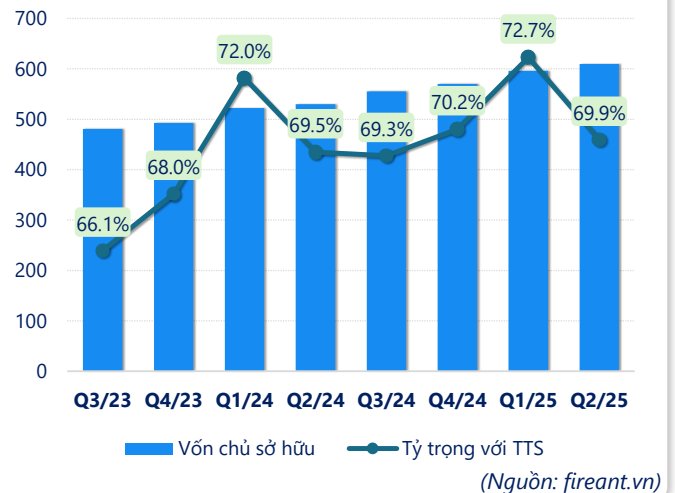
tỷ VNĐ

Nợ vay

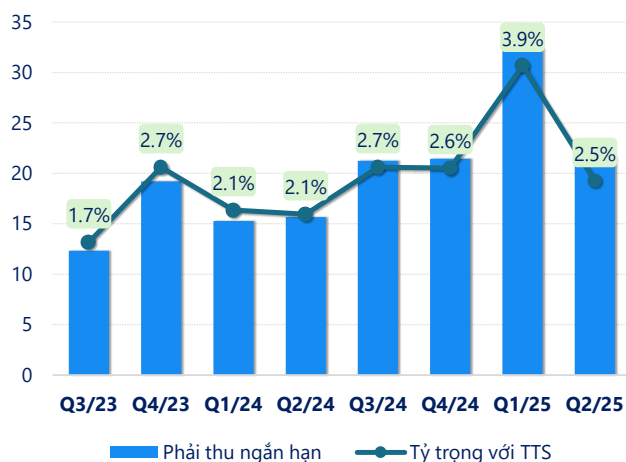


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

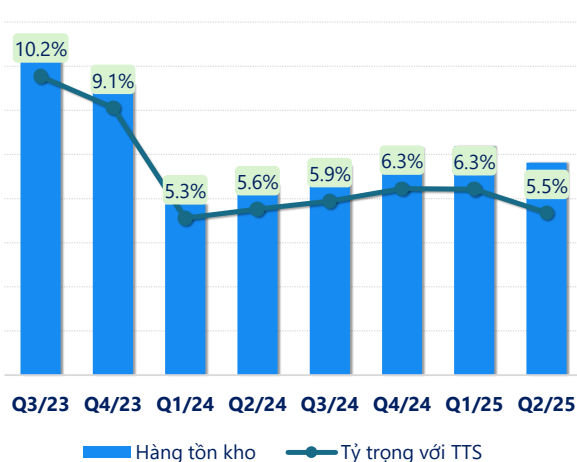


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


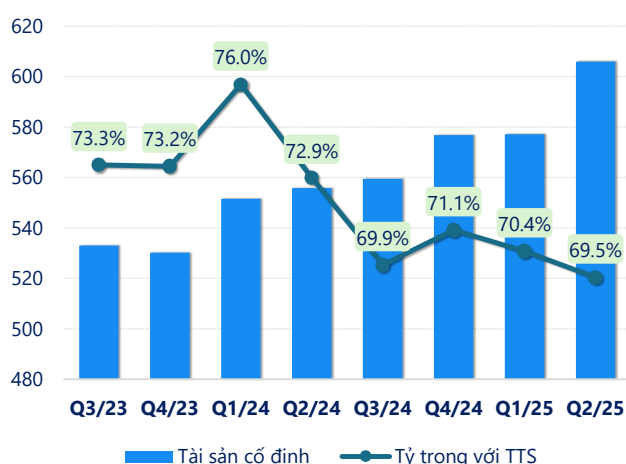
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


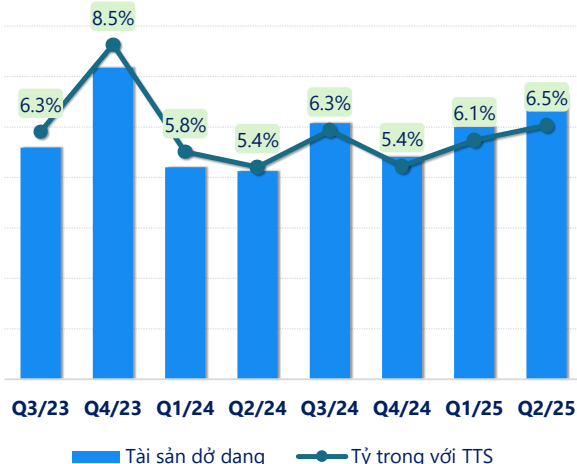
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

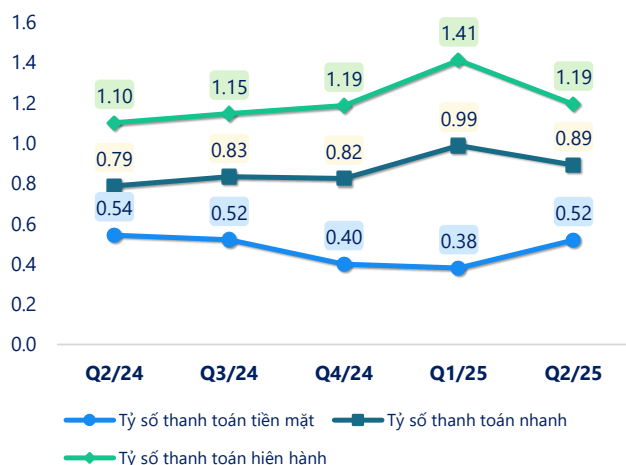
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

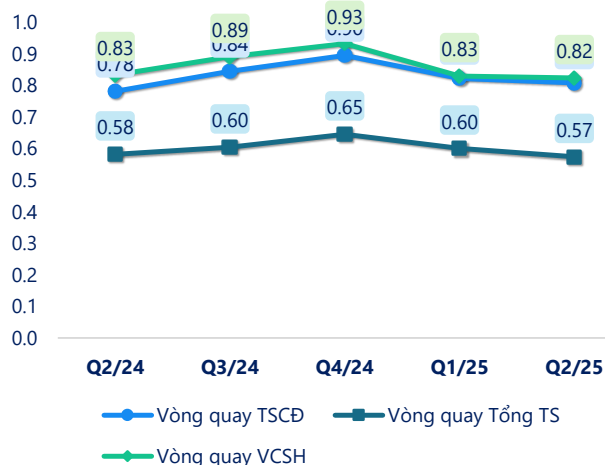
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	763	800	812	820	872
Tài sản ngắn hạn	151	173	169	173	191
Tiền và tương đương tiền	74.5	78.3	56.8	46.5	83.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.8	22.9	35.9	39.9	33.9
Phải thu ngắn hạn	15.7	21.2	21.4	32.4	21.6
Hàng tồn kho	43.1	47.4	51.5	51.9	48.1
Tài sản ngắn hạn khác	3.10	2.97	3.08	2.26	3.99
Tài sản dài hạn	612	628	643	648	682
Phải thu dài hạn	0.04	0.04	0	0	0
Tài sản cố định	556	559	577	577	606
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	41.3	50.8	44.1	50.0	56.5
Đầu tư tài chính dài hạn	0.88	0.88	0.88	0.88	0.88
Tài sản dài hạn khác	13.8	16.6	21.1	19.5	18.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	233	246	242	224	263
Nợ ngắn hạn	137	151	142	122	160
Vay và nợ thuê ngắn hạn	54.7	68.1	74.3	68.3	90.3
Phải trả người bán ngắn hạn	12.2	15.1	18.7	9.01	21.0
Nợ dài hạn	95.9	95.0	99.5	102	103
Vay và nợ thuê dài hạn	95.4	94.5	95.2	97.5	95.3
Nguồn vốn chủ sở hữu	530	555	570	596	610
Vốn chủ sở hữu	530	555	570	596	610
Vốn điều lệ	280	280	280	280	280
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)